

Số: /GPMT-KKT Khánh Hòa, ngày tháng năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ VÂN PHONG TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 04 tháng 01 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban quản lý Khu kinh tế Vân Phong tỉnh Khánh Hòa;

Căn cứ Quyết định số 3101/QĐ-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ quản lý nhà nước về môi trường đối với dự án đầu tư trong Khu kinh tế Vân Phong và các khu công nghiệp thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Xét Văn bản số 3010/CV-TTC ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Công ty TNHH Du lịch TTC về phê duyệt cấp Giấy phép môi trường dự án Khu du lịch Dốc Lết (giai đoạn 1) và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH Du lịch TTC, địa chỉ tại số 04 Pasteur, phường Xương Huân, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường thuộc giai đoạn 1 của Khu du lịch Dốc Lết tại phường Ninh Hải, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

- Tên dự án đầu tư: Khu du lịch Dốc Lết.
- Địa điểm hoạt động: phường Ninh Hải, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.
- Giấy đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đầu tư:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 4200351556 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 3 năm 1999, đăng ký thay đổi lần thứ 27 ngày 12 tháng 4 năm 2023.

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số 0311118413 do Ban quản lý Khu kinh tế Vân Phong tỉnh Khánh Hòa chứng nhận đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 06 năm 2012, chứng nhận điều chỉnh lần thứ 07 ngày 28 tháng 06 năm 2023.

1.4. Mã số thuế: 4200351556.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: du lịch.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Quy mô: dự án đầu tư có tiêu chí như dự án nhóm A (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công); dự án có tiêu chí về môi trường như dự án nhóm II theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Tổng diện tích: 11,7 ha; trong đó, phần diện tích đã hoàn thành trong giai đoạn 1 là 5,2ha; với các hạng mục công trình chính gồm: 02 khối khách sạn, 10 bungalow, khối sảnh chính, khối hành chính, khối hội nghị, khối gym, spa, khu nhà hàng, bếp, hồ bơi, quầy bar hồ bơi, nhà bảo vệ, nhà kỹ thuật và cảnh quan toàn khu.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Du lịch TTC (*Công ty*) có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm

thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

2.6. Chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác, tính hợp pháp đối với các thông tin, số liệu liên quan đến dự án đầu tư được nêu tại báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày cấp phép.

Điều 4. Giao Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường tham mưu nhiệm vụ kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Đ/c Trưởng ban (để báo cáo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND thị xã Ninh Hòa;
- UBND phường Ninh Hải;
- Công ty TNHH Du lịch TTC;
- Công Thông tin điện tử của Ban quản lý;
- Phòng QLQHXD, QLDN (VBĐT);
- Lưu: VT, QLTMNT, NKT, 09.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

Nguyễn Hữu Nghị

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI (Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-KKT ngày... tháng ... năm 2023 của Ban quản lý Khu kinh tế Vân Phong)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ khối khách sạn.
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt từ khu nhà hàng – hội nghị.
- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt từ khối hành chính.
- Nguồn số 04: Nước thải sinh hoạt từ khối sảnh chính.
- Nguồn số 05: Nước thải sinh hoạt từ khối Spa – Gym.
- Nguồn số 06: Nước thải sinh hoạt từ khu Bungalow không có hồ bơi.
- Nguồn số 07: Nước thải sinh hoạt từ khu Bungalow có hồ bơi và Pool par.
- Nguồn số 08: Nước thải sinh hoạt từ khu nhà bảo vệ.
- Nguồn số 09: Nước thải từ khu bếp ăn nhà hàng.
- Nguồn số 10: Nước thải từ phòng giặt.
- Nguồn số 11: Nước thải từ hoạt động rửa đường ống và vệ sinh phòng chứa rác thải sinh hoạt.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải sau xử lý được tận dụng để tưới cây, rửa đường trong khu du lịch. Lượng nước thải tái sử dụng trường hợp còn dư sẽ theo đường ống uPVC Ø80 dẫn về giếng tự thấm được bố trí ở khu vực gần biển (vị trí nằm trong khu vực dự án).

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Địa chỉ: Phường Ninh Hải, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.
- Tọa độ vị trí xả nước thải: X= 1388470,902; Y= 606346,490 (tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 108⁰15, múi chiếu 3⁰).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 240m³/ngày.đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau xử lý được đưa về bể chứa của trạm xử lý để tái sử dụng cho việc tưới cây và rửa đường. Lượng nước thải tái sử dụng còn dư sẽ theo đường ống uPVC Ø80 dẫn về giếng tự thấm được bố trí ở khu vực gần biển (nằm trong khu vực dự án), theo phương thức tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: liên tục 24 giờ/ngày.đêm, xả liên tục trong năm.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (Cột A, hệ số K=1) và QCVN 08:2023/BTNMT (Mức B - Bảng 3) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt, cụ thể như sau:

STT	Các chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	6,0 – 8,5 (**)	03 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
2	BOD ₅	mg/l	6 (**)		
3	Tổng chất rắn lơ lửng	mg/l	15 (**)		
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	500 (*)		
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	5 (*)		
6	Nitrat (tính theo N)	mg/l	30 (*)		
7	Phosphat (tính theo P)	mg/l	6 (*)		
8	Tổng Coliforms	MPN/100ml	3.000 (*)		
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	10 (*)		
10	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	1 (*)		
11	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5 (*)		

- Tần suất quan trắc nước thải định kỳ được thực hiện theo cam kết của Chủ dự án.

(*): Giá trị giới hạn theo QCVN 14:2008/BTNMT (Cột A, hệ số K= 1).

(**): Giá trị giới hạn theo QCVN 08:2023/BTNMT (Mức B - Bảng 3).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ

thống xử lý nước thải:

- Nước thải phát sinh từ nguồn số 01 được thu gom vào bể tự hoại dung tích 45m³ sau đó theo đường ống HDPE DN150, tiếp tục theo đường ống HDPE DN250 về hố thu của hệ thống công thu gom nước thải đầu vào, đưa về hệ thống xử lý nước thải của Khu du lịch.
- Nước thải phát sinh từ nguồn số 02 được thu gom vào bể tự hoại dung tích 45m³ sau đó tự chảy theo đường ống HDPE DN300, về hố thu của hệ thống công thu gom nước thải đầu vào, đưa về hệ thống xử lý nước thải của Khu du lịch.
- Nước thải phát sinh từ nguồn số 03 được thu gom vào bể tự hoại dung tích 45m³ sau đó tự chảy theo đường ống HDPE DN300, về hố thu của hệ thống công thu gom nước thải đầu vào, đưa về hệ thống xử lý nước thải của Khu du lịch.
- Nước thải phát sinh từ nguồn số 04 được thu gom vào bể tự hoại dung tích 9m³ sau đó tự chảy theo đường ống uPVC DN150, tiếp tục theo đường ống HDPE DN250 về hố thu của hệ thống công thu gom nước thải đầu vào, đưa về hệ thống xử lý nước thải của Khu du lịch.
- Nước thải phát sinh từ nguồn số 05 được thu gom vào bể tự hoại dung tích 16m³ sau đó tự chảy theo đường ống HDPE DN80, tiếp tục theo đường ống HDPE DN250 về hố thu của hệ thống công thu gom nước thải đầu vào, đưa về hệ thống xử lý nước thải của Khu du lịch.
- Nước thải phát sinh từ nguồn số 06 được thu gom vào bể tự hoại dung tích 16m³ sau đó tự chảy theo đường ống HDPE DN80, tiếp tục theo đường ống HDPE DN250 về hố thu của hệ thống công thu gom nước thải đầu vào, đưa về hệ thống xử lý nước thải của Khu du lịch.
- Nước thải phát sinh từ nguồn số 07 được thu gom vào bể tự hoại dung tích 9m³ sau đó tự chảy theo đường ống HDPE DN80, tiếp tục theo đường ống HDPE DN300 về hố thu của hệ thống công thu gom nước thải đầu vào, đưa về hệ thống xử lý nước thải của Khu du lịch.
- Nước thải phát sinh từ nguồn số 08 được thu gom vào bể tự hoại dung tích 4m³ sau đó tự chảy theo đường ống HDPE DN150, tiếp tục theo đường ống HDPE DN250 về hố thu của hệ thống công thu gom nước thải đầu vào, đưa về hệ thống xử lý nước thải của Khu du lịch.
- Nước thải phát sinh từ nguồn số 09 được thu gom vào bể tách mỡ sơ cấp dung tích 10,25m³ sau đó tự chảy theo đường ống HDPE DN300, về hố thu của hệ thống công thu gom nước thải đầu vào, đưa về hệ thống xử lý nước thải của Khu du lịch.
- Nước thải phát sinh từ nguồn số 10 được tự chảy theo đường ống HDPE DN150, tiếp tục theo đường ống HDPE DN300 về hố thu dung tích 4,48 m³, sau đó về hố thu của hệ thống công thu gom nước thải đầu vào, đưa về hệ thống xử lý nước thải của Khu du lịch.
- Nước thải phát sinh từ nguồn số 11 được thu gom về bể trung chuyển dung tích 490m³ sau đó tự chảy theo đường ống HDPE DN300, về hố thu của hệ thống

cống thu gom nước thải đầu vào, đưa về hệ thống xử lý nước thải của Khu du lịch.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải (công suất 240 m³/ngày.đêm): Nước thải → Hồ thu → Bể tách dầu mỡ → Bể điều hòa → Bể xử lý thiếu khí (Anoxic) → Bể xử lý hiếu khí (MBBR) → Bể lắng → Bể khử trùng → Hệ thống lọc áp lực → Tưới cây/rửa đường và giếng tự thấm.

- Công suất thiết kế: 240 m³/ngày.đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chlorine.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải:

- Biện pháp phòng ngừa:

+ Dự phòng các trang thiết bị động lực để bị hư hỏng để thay thế kịp thời khi hệ thống xử lý nước thải xảy ra sự cố.

+ Vận hành hệ thống đúng quy trình, bố trí nhân viên giám sát hệ thống nhằm đảm bảo hệ thống xử lý luôn trong trạng thái hoạt động ổn định.

+ Tuyển công nhân có kinh nghiệm vận hành và khả năng khắc phục khi xảy ra sự cố.

+ Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng các công trình, thiết bị xử lý; định kỳ bảo dưỡng, nạo vét cống thoát nước, hồ thu theo đúng kỹ thuật yêu cầu.

+ Khi hệ thống xử lý nước thải có sự cố, nhanh chóng tìm ra nguyên nhân, ưu tiên khắc phục sự cố kịp thời.

- Quy trình ứng phó sự cố:

+ Nhân viên vận hành khi phát hiện hệ thống xử lý nước thải bị sự cố, phải tiến hành đóng van xả nước thải tại bể chứa nước thải sau xử lý để dừng việc xả nước thải ra môi trường bên ngoài. Nước thải đầu vào được chứa tạm thời trong các bể (*Trường hợp thời gian sửa chữa kéo dài, hệ thống xử lý nước thải không đảm bảo cho việc lưu chứa nước thải trong quá trình khắc phục sự cố, Công ty khẩn trương liên hệ với đơn vị có chức năng để xử lý lượng nước thải phát sinh trong khi tiến hành sửa chữa hệ thống xử lý nước thải*).

+ Tiến hành sửa chữa hệ thống xử lý nước thải.

+ Khi hệ thống xử lý nước thải được sửa chữa đạt yêu cầu, nước thải được bơm ngược về hồ thu để bắt đầu lại quy trình xử lý.

+ Tiến hành kiểm tra chất lượng nước thải sau xử lý. Khi nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn sẽ tiến hành mở van xả nước thải ra môi trường. Trong mọi trường

hợp, nước thải sau xử lý phải đảm bảo đạt quy chuẩn cho phép trước khi được thải ra môi trường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: từ ngày 01/12/2023 đến hết ngày 01/4/2024.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải công suất 240 m³/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Tại đầu vào hệ thống xử lý nước thải (tại vị trí hố thu).
- Tại đầu ra hệ thống xử lý nước thải (tại vị trí bể chứa nước sau xử lý).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Chủ dự án phải giám sát lưu lượng và các chất ô nhiễm có trong dòng nước thải, đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải theo giới hạn cho phép quy định tại mục 2.3.3 Phần A của Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc nước thải trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa hoàn toàn riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước thải; thu gom, xử lý nước thải bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.3.3 Phần A của Phụ lục này trước khi thải ra môi trường; điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm, vận hành công trình xử lý nước thải.

3.3. Trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải, thực hiện đầy đủ các trách nhiệm theo quy định tại khoản 7, khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường đã được cấp, thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 3, khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.4. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc chất thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải đến Ban quản lý Khu kinh tế Vân Phong và Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm.

3.5. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình xử lý nước thải; đầu tư đầy đủ trang thiết bị, máy móc để

ứng phó trong trường hợp hệ thống xử lý nước thải xảy ra sự cố. Trường hợp hệ thống xử lý nước thải không đảm bảo cho việc lưu chứa nước thải trong quá trình khắc phục sự cố, Công ty phải chuyển giao toàn bộ lượng nước thải cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

3.6. Công ty phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật nếu xả nước thải ra môi trường khi chưa đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường theo quy định.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM,
XỬ LÝ KHÍ THẢI

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-KKT ngày ... tháng ... năm 2023
của Ban quản lý Khu kinh tế Vân Phong)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải công suất 240 m³/ngày.đêm.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải:

- Địa chỉ: phường Ninh Hải, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

- Ống thải đầu ra của tháp hấp thụ, tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1388472,037; Y = 606072,973 (tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 108^o15, múi chiều 3^o).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 3.600 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Xả liên tục (24 giờ/ngày.đêm).

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B; K_p= 1,0; K_v= 0,8) và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ, cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	NH ₃	mg/Nm ³	40 (*)	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	H ₂ S	mg/Nm ³	6 (*)		
3	CH ₃ SH	mg/Nm ³	15 (**)		

(*): Giá trị giới hạn theo QCVN 19:2009/BTNMT (cột B, hệ số K_p = 1, K_v = 0,8).

(**): Giá trị giới hạn theo QCVN 20:2009/BTNMT.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

Khí thải phát sinh từ hoạt động của hệ thống xử lý nước thải công suất 240 m³/ngày.đem đi qua tháp hấp thụ trước khi thải ra môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → quạt hút → tháp hấp thụ (bằng than hoạt tính) → ống thải.

- Công suất thiết kế: 3.600m³/h.

- Hóa chất sử dụng: không sử dụng.

- Vật liệu sử dụng: than hoạt tính.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Trường hợp khí thải phát sinh từ hoạt động của hệ thống thiết bị xử lý khí thải không đạt yêu cầu quy định tại mục 2.2.2 phần A của Phụ lục này thì phải ngừng ngay việc xả khí thải ra môi trường và thực hiện các biện pháp khắc phục.

- Thường xuyên kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc để bảo đảm hệ thống hoạt động ổn định.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: từ ngày 01/12/2023 đến hết ngày 01/4/2024.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý khí thải, công suất thiết kế 3.600 m³/giờ.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Tại đầu vào của quạt hút.

- Tại đầu ra của tháp hấp thụ.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty phải giám sát lưu lượng và các chất ô nhiễm có trong dòng khí thải sau xử lý; đánh giá hiệu quả xử lý của các hệ thống xử lý khí thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường quy định tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện quan trắc khí thải trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành

thử nghiệm công trình xử lý khí thải.

3.3. Trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý, thực hiện đầy đủ các trách nhiệm theo quy định tại khoản 7, khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường đã được cấp, thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 3, khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.4. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc khí thải, phân định khí thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải đến Ban quản lý Khu kinh tế Vân Phong và Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm.

3.5. Chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 3**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số..... /GPMT-KKT ngày ... tháng ... năm 2023 của Ban quản lý Khu kinh tế Vân Phong)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: máy phát điện dự phòng đặt tại phòng kỹ thuật (công suất 1.500 kVA).
- Nguồn số 02: máy phát điện dự phòng đặt tại phòng kỹ thuật (công suất 1.500 kVA).

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tọa độ X=1388496,386; Y=606092,203.
- Nguồn số 02: Tọa độ X= 1388494,883; Y= 606101,266.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 108^o15', múi chiều 3^o)

3. Tiếng ồn, độ rung: phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép, dBA		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 - 21 giờ	Từ 21 - 6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 - 21 giờ	Từ 21 - 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại mục 3 phần A Phụ lục này.
- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng máy móc, thiết bị để đảm bảo động cơ hoạt động ổn định.
- Tăng cường việc trồng, bố trí cây xanh xung quanh trong khuôn viên của Khu du lịch.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ
SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số..... /GPMT-KKT ngày ... tháng ... năm 2023
của Ban quản lý Khu kinh tế Vân Phong)*

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	26
2	Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	24
3	Pin, ắc quy chì thải	16 01 12	15
4	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	13
5	Hộp mực in có các thành phần nguy hại	08 02 04	15
6	Bao bì cứng thải bằng nhựa (đã chứa chất khi thải ra là chất thải nguy hại)	18 01 03	24
7	Bao bì cứng thải bằng kim loại (đã chứa chất khi thải ra là chất thải nguy hại)	18 01 02	24
8	Bao bì cứng thải bằng thủy tinh (đã chứa chất khi thải ra là chất thải nguy hại)	18 01 04	15
	TỔNG CỘNG		156

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt	12 06 10	22.093,5
2	Chất thải thực vật được cắt tỉa từ quá trình chăm sóc cây xanh	14 01 10	5.475
	Tổng cộng		27.568,5

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	783,14
	Tổng cộng	783,14

1.4. Chất thải công nghiệp phải kiểm soát: thực hiện phân định, phân loại và xử lý theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: các thùng chứa, bao bì đáp ứng theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà:

- 01 kho lưu chứa chất thải nguy hại:

+ Diện tích: 9,7m².

+ Thiết kế, cấu tạo: mặt sàn bảo đảm kín khít, không bị thấm thấu, tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có mái che kín cho toàn bộ khu vực; đảm bảo không chảy tràn chất lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn; có dán nhãn, biển cảnh báo và các thiết bị ứng phó sự cố đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: các thùng nhựa HDPE 120L.

2.2.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà/khu vực lưu chứa ngoài trời:

- 02 kho lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt:

+ Diện tích: 10 m² và 9,6m².

+ Thiết kế, cấu tạo: có mái che, mặt sàn kín, không bị thấm thấu, có cao độ nền bảo đảm không bị ngập lụt. Nhà kho được thiết kế đáp ứng theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

2.3. Yêu cầu bảo vệ môi trường khác đối với việc lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

- Các thiết bị, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đảm bảo đáp ứng theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố

môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định. Nội dung kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phải phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; tổ chức công khai kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định tại khoản 3 Điều 110 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số..... /GPMT-KKT ngày ... tháng ... năm 2023 của Ban quản lý Khu kinh tế Vân Phong)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG: không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC: không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

1. Theo Quyết định số 22/QĐ-KKT ngày 09/02/2018 của Ban quản lý Khu kinh tế Vân Phong về phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Khu du lịch Dốc Lết, các hạng mục công trình Chủ dự án sẽ tiếp tục thực hiện sau khi cấp giấy phép môi trường, bao gồm:

- 01 khối khách sạn.

- Các hạng mục thuộc khu vui chơi, giải trí: quảng trường, vòng xoay ngựa gỗ, khu trò chơi rèn luyện, trò chơi tương tác dưới đại dương, huyền thoại atlantis, rạp chiếu phim 4D, trận chiến bạch tuộc nước, tàu lượn cảm giác mạnh,....

- 01 hệ thống xử lý nước thải tại khu vực phía Nam dự án.

2. Sau khi hoàn thành hạng mục, công trình và các yêu cầu về bảo vệ môi trường thuộc giai đoạn 2 của Dự án, Công ty có trách nhiệm thực hiện thủ tục cấp giấy phép môi trường theo quy định pháp luật.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý toàn bộ lượng khí thải, nước thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

2. Đảm bảo việc phân định, phân loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo đúng quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Thực hiện công khai thông tin về giấy phép môi trường trên trang thông tin điện tử của Chủ dự án hoặc tại trụ sở UBND phường Ninh Hải (nơi thực hiện dự án) theo quy định tại Điều 114 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 102 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, thời điểm công khai chậm nhất là 10 ngày sau khi được cấp giấy phép môi trường.

4. Tổ chức thực hiện việc báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo quy định tại Điều 66 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT; gửi kết quả báo cáo định kỳ về Ban quản lý Khu kinh tế Vân Phong, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thị xã Ninh Hòa với thời hạn là trước ngày 15 tháng 01 của năm tiếp theo.

5. Trường hợp các văn bản pháp luật áp dụng tại Giấy phép môi trường được điều chỉnh, bổ sung hoặc thay thế thì Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện theo quy định pháp luật mới ban hành.